

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 23 - 6- 2023.

V/v ly hôn giữa anh Nghiêm và chị Thảo.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Biền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Chinh.

2. Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh **Trần Văn N** – Sinh năm 1995.

Địa chỉ: **Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.**

+ Bị đơn: Chị **Trần Thị T** – Sinh năm 1997.

Địa chỉ: **Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.**

Tại phiên tòa có mặt anh **N**, vắng mặt chị **T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 05/5/2022 cũng như lời khai anh **Trần Văn N** tại những buổi làm việc với Toà án thể hiện: Anh kết hôn với chị **Trần Thị T** vào tháng 06/2020 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, huyện N, tỉnh**

Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 3/2022 thì vợ chồng anh sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị **T** không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị **Trần Thị T**.

Về con chung: Giữa anh và chị **T** không có con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay chị **Trần Thị T** không có mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã triệu tập chị **Trần Thị T** đến Tòa án để làm việc nhưng chị **T** không hợp tác. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã tiến hành niêm yết đầy đủ những văn bản tố tụng của Tòa án cũng như đăng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng là **B**, **D** và công thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ **Q**; Xử lý hôn giữa anh **Trần Văn N** và chị **Trần Thị T**; Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh **N** phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Trần Thị T** cư trú tại **huyện N**. Nay anh **Trần Văn N** xin ly hôn chị **Trần Thị T** thì Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay chị **Trần Thị T** vắng mặt nhưng chị **T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **T** là phù hợp với khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh **Trần Văn N** và chị **Trần Thị T** vào tháng 06 năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định** là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đến tháng 3/2022 thì vợ chồng anh **N** chị **T** sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh **N** xác định tình cảm giữa anh và chị **T** không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị xin được ly hôn với chị **Trần Thị T**. Phía chị **T** không có quan điểm về việc giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa có quan điểm xử ly hôn giữa anh **N** và chị **T**.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn giữa anh **N** và chị **T** đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ. Nay anh **N** xin ly hôn chị **T** nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh **Trần Văn N** và chị **Trần Thị T** không có con chung.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Anh **Trần Văn N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh **Trần Văn N** phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử lý hôn giữa anh **Trần Văn N** và chị **Trần Thị T**.

2 - Án phí dân sự sơ thẩm anh **Trần Văn N** phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị anh **N** đã nộp theo biên lai số 0000903

ngày 17/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, anh **N** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh.
- VKS huyện.
- THA huyện.
- UBND xã Nghĩa Tân.
- Các đương sự.
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

đã ký

Bùi Văn Biền